

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA AN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-05-2018  
V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN - CAO BẰNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Kim Chi

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tiến Thoại
2. Bà Nguyễn Thị Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Tân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 18 tháng 05 năm 2018, Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ Ngày 03 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vương Thị K, sinh năm: 1990, có mặt.

Địa chỉ: Xóm N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Th, sinh năm: 1987, vắng mặt không có lý do

Địa chỉ: Xóm Kh, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vương Thị K trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Th kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu sự chia sẻ và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Th thường xuyên bạo lực gia đình. Gia

đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành, chị và anh Th đã sống ly thân từ 30/6/2015 đến nay. Hiện chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung họ tên là: Hoàng Tùng A, sinh ngày 05/9/2010. Hiện nay con đang sống cùng anh Th, khi ly hôn chị yêu cầu để anh Th nuôi con chung và chị cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, tính từ tháng 05/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 12/4/2018 bị đơn anh Hoàng Văn Th trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị K trình bày.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 chị K đi làm công nhân ở công ty dưới tỉnh Bắc Giang thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị K ít về nhà và sau này không thấy về nhà nữa. Nay chị K xin ly hôn tôi nhất trí vì thực tế tôi cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị K.

Về con chung: Nếu phải ly hôn tôi tôn trọng nguyện vọng của con là được sống chung với Bố, tôi yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, thực hiện cấp dưỡng theo quỹ, thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày chị K bỏ con đi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vương Thị K có quan hệ hôn nhân với anh Hoàng Văn Th, địa chỉ: Xóm Kh, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nay chị K khởi kiện xin ly hôn với anh Th, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của nguyên, bị đơn: Bị đơn anh Hoàng Văn Th đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị K và anh Hoàng Văn Th kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc

đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị K đi làm công nhân xa nhà, không quan tâm gia đình, dẫn đến vợ chồng thiếu sự chia sẻ và hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2015 đến nay. Hiện chị K và anh Th xác định không còn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy, chị K và anh Th thuận tình ly hôn vì cả hai đều không còn tình cảm vợ chồng, không cùng chung mục đích, không có mong muốn hàn gắn. Sự thỏa thuận của chị K và anh Th là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được công nhận.

3.2. Về con chung: Chị K và anh Th thỏa thuận giao con chung Hoàng Tùng A, sinh ngày 05/9/2010 cho anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

HĐXX xét thấy, sự thỏa thuận của chị K và anh Th là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng Tùng Anh là được sống với Bố và phù hợp quy định của pháp luật nên cần được công nhận.

3.3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Anh Th yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng, thực hiện theo quỹ. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi chị K bỏ nhà ra đi đến khi con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy, anh Th đưa ra yêu cầu nhưng không đến Tòa để hòa giải, trao đổi, phân tích khả năng thực hiện nghĩa vụ của chị K, không trình bày rõ chị K bỏ nhà đi từ thời gian nào. Về phía chị K là công nhân, thu nhập không cao, không có tài sản riêng nên việc buộc chị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ năm 2014 đến nay với mức 1.500.000đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thực hiện theo quỹ là khó thực hiện. Do đó, để chị K có khả năng thi hành án mà vẫn đảm bảo được yêu cầu của anh Th, xét thấy cần tính thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ khi xét xử (tháng 05/2018), với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng (Thực hiện cấp dưỡng theo tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

3.4. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị K, anh Th xác định không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 các Điều 28, 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 ; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Vương Thị K.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Vương Thị K và anh Hoàng Văn Th.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị K và anh Th là giao con chung Hoàng Tùng Anh, sinh ngày 05/9/2010 cho anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về mức cấp dưỡng : Chị K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, tính từ tháng 05/2018 đến khi con Hoàng Tùng A đủ 18 tuổi, cấp dưỡng theo tháng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Chị Vương Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng, tổng cộng chị K phải nộp 600.000đ tiền án phí để sung quỹ nhà nước. Chị K được trừ đi 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AB/2012/02223 ngày 14/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, chị K còn phải nộp thêm 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoà An;
- CCTHADS Hoà An;
- UBND xã ;
- TAND tỉnh;
- L- u hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Hoàng kim Chi**